



A member of MGI International

Thành viên Hãng Kiểm toán MGI Quốc tế

**CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN 30/06/2015  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	2 - 4
<b>Báo cáo kết quả công tác soát xét</b>	05
<b>Báo cáo Tài chính đã được soát xét</b>	
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 20

1020  
CÔ  
ÁCH N  
Ề M  
IẢ M  
/IỆ  
'H X

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần VT Vạn Xuân (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

### **KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân (nay là Công ty Cổ phần VT Vạn Xuân) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103012120 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 07 năm 2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101932231.

#### **Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:**

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết : Xây dựng công trình công nghiệp, đường thủy, bến cảng, các công trình trên sông, đê, kè, đập, đường hầm, các công trình thể thao ngoài trời;
- Giám sát "xây dựng và hoàn thiện" công trình thủy lợi;
- Giám sát lắp đặt điện công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 110kV;
- Thăm định thiết kế các công trình thông tin, bưu chính viễn thông, điện - điện tử;
- Thăm định hồ sơ mời thầu, dự thầu; thăm định tổng dự toán các công trình xây dựng;
- Sản xuất, lắp ráp máy tính và thiết bị tin học; sản xuất phần mềm;
- Tư vấn, đào tạo, chuyển giao công nghệ, phát triển ứng dụng và dịch vụ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, cơ điện lạnh, tự động hoá;
- Thi công xây lắp các công trình bưu chính viễn thông, phát thanh truyền hình, điện tử, tin học và chống sét;
- Kinh doanh vật tư ngành bưu chính viễn thông;
- Lập dự án đầu tư các công trình viễn thông, mạng tin học, mạng điện tử, mạng phát thanh truyền hình, hệ thống chống sét, nội thất (chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ cho phép);
- Lập tổng dự toán các công trình thông tin liên lạc và bưu chính viễn thông, điện tử, tin học và chống sét;
- Mua bán, đại lý, ký gửi các sản phẩm công nghệ và thiết bị điện tử, tin học, viễn thông, cơ điện lạnh, tự động hoá và điều khiển;
- Khảo sát trắc địa công trình;
- Tư vấn đầu tư xây dựng và quản lý các nhà máy phát điện sử dụng năng lượng sạch có quy mô vừa và nhỏ (năng lượng gió, năng lượng địa nhiệt, năng lượng mặt trời, năng lượng sinh khối, năng lượng sóng biển, thủy điện);
- Tư vấn đầu tư và xây dựng các dự án bảo vệ môi trường, triển khai chuyển giao công nghệ xử lý môi trường, chất thải và nước sạch; vệ sinh môi trường;
- Tư vấn đầu tư các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và thủy điện (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Khoan thăm dò, khoan khai thác khoáng sản (không bao gồm khoan khảo sát), nước ngầm, xử lý nền móng;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng, phát triển các loại công nghệ mới về tự động hoá, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học;
- Khảo sát các công trình: giao thông, thủy lợi, thủy điện, xây dựng và các công trình phụ trợ khác. Đo đạc bản đồ; khảo sát thiết kế các công trình Công ty được phép thiết kế (không bao gồm khảo sát địa hình; khảo sát địa chất, khảo sát địa chất thủy văn); khảo sát địa chất công trình; khảo sát xây dựng;
- Thiết kế công trình cầu, đường bộ; thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp phục vụ ngành bưu điện; thiết kế kết cấu cột Anten công trình xây dựng; thiết kế thông tin, bưu chính viễn thông; thiết kế thông tin - liên lạc, thiết kế điện - điện tử: các công trình thông tin liên lạc và bưu chính viễn thông, công nghiệp, khu công nghệ cao; thiết kế quy hoạch, kiến trúc công trình xây dựng; thiết kế các công trình giao thông; thiết kế cấp điện cho các công trình: dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; thiết kế đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV;
- Giám sát xây dựng - hoàn thiện công trình dân dụng và hạ tầng kỹ thuật; giám sát thi công xây dựng công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật (lĩnh vực chuyên môn giám sát; xây dựng và hoàn thiện); giám sát thi công

## CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Xóm Đình - Xã Tân Triều - Huyện Thanh Trì - TP. Hà Nội

xây dựng công trình dân dụng công nghiệp, giao thông nông thôn, hạ tầng kỹ thuật (lĩnh vực chuyên môn giám sát: lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện); giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường bộ (lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện);

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông.

**Trụ sở chính của Công ty:** Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

**Địa chỉ giao dịch:** Số 193 Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.

**Vốn điều lệ của Công ty là 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng)**

**Danh sách cổ đông sáng lập như sau**

*(Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần)*

STT	Cổ đông	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần
1	Trần Như Canh	Phổ thông	192.800	1.928.000.000
2	Lương Thế Anh	Phổ thông	55.400	554.000.000
3	Lương Thị Thu Hằng	Phổ thông	53.000	530.000.000

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 được trình bày trong Báo cáo Tài chính đính kèm từ trang 06 đến trang 20 kèm theo.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 30/7/2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có Quyết định số 53/GCN-UBCK cấp giấy chứng nhận đăng ký phát hành và chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân (nay là Công ty Cổ phần VT Vạn Xuân). Theo đó, công ty được phép phát hành và chào bán ra công chúng 2.999.800 cổ phiếu phổ thông mệnh giá 10.000 đ/cổ phiếu. Trong đó :

- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức : 169.800 cổ phiếu
- Chào bán cho cổ đông hiện hữu : 2.830.000 cổ phiếu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101932231 thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 07 năm 2015 Công ty đã đổi tên thành "Công ty Cổ phần VT Vạn Xuân".

Ngoài các sự kiện nêu trên, không còn sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Trần Như Canh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
Ông Vũ Tuấn Đức	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Tố	Thành viên	Từ nhiệm ngày 09/04/2015
Bà Trần Thị Hoa Mai	Thành viên	
Ông Trần Văn Tân	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/04/2015

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Vũ Tuấn Đức	Tổng Giám đốc
Ông Trần Như Canh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

174  
TY  
HỮU  
ÁN  
VH  
JAI  
V-T

Ông Hoàng Quốc Việt	Trưởng ban Kiểm soát	
Ông Đỗ Trung Kiên	Thành viên	
Ông Vũ Tiến Dương	Thành viên	Từ nhiệm ngày 09/04/2015
Ông Vũ Văn Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/04/2015

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/6/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Phê duyệt các Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần VT Vạn Xuân phê duyệt Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty.

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2015

**TM. Hội đồng quản trị**

**Thay mặt Ban Giám đốc**

Chủ tịch

Tổng Giám đốc



**TRẦN NHƯ CANH**

**VŨ TUẤN ĐỨC**

Số: 1043/BCKT/TC/NV12

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần VT Vạn Xuân**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần VT Vạn Xuân được lập ngày 05/08/2015 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 được trình bày từ trang 06 đến trang 20 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty được ghi nhận tại trang 2, 3 và 4 của Báo cáo Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần VT Vạn Xuân tại ngày 30/6/2015, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ý kiến của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

**LÊ NGỌC KHUÊ**

Phó Giám đốc

Giấy CNDKHNKT số 0665-2014-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ  
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

**TÔNG THỊ BÍCH LAN**

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHNKT số 0060-2014-126-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			30/6/2015	01/01/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>49.302.656.656</b>	<b>56.100.813.850</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.407.793.256</b>	<b>3.934.526.684</b>
1. Tiền	111	V.01	2.407.793.256	3.934.526.684
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>37.327.920.556</b>	<b>46.122.192.805</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	32.602.793.553	33.582.459.010
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	966.229.984	658.564.404
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	3.758.897.019	11.881.169.391
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.05	<b>9.566.942.844</b>	<b>6.044.094.361</b>
1. Hàng tồn kho	141		10.242.236.523	6.719.388.040
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(675.293.679)	(675.293.679)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.056.990.752</b>	<b>1.104.529.822</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.774.332.220</b>	<b>749.034.161</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	3.774.332.220	732.424.241
- Nguyên giá	222		5.015.578.090	1.677.810.818
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.241.245.870)	(945.386.577)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	16.609.920
- Nguyên giá	228		60.768.000	60.768.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(60.768.000)	(44.158.080)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>282.658.532</b>	<b>355.495.661</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	282.658.532	355.495.661
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>53.359.647.408</b>	<b>57.205.343.672</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			30/6/2015	01/01/2015
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>36.451.318.521</b>	<b>41.687.160.814</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>36.451.318.521</b>	<b>41.687.160.814</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	11.079.551.496	16.446.612.014
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		17.000.000	17.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	3.946.256.880	3.854.836.097
4. Phải trả người lao động	314		283.929.000	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	16.205.579
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	693.390.177	614.094.751
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	20.062.851.231	20.370.072.636
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		368.339.737	368.339.737
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>16.908.328.887</b>	<b>15.518.182.858</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.12</b>	<b>16.908.328.887</b>	<b>15.518.182.858</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		12.000.000.000	12.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.000.000.000	12.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(680.000.000)	(680.000.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.030.381.280	2.030.381.280
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		150.000.000	150.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.407.947.607	2.017.801.578
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.017.801.578	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.390.146.029	2.017.801.578
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>53.359.647.408</b>	<b>57.205.343.672</b>

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Mai Thị Nga Hương

Kế toán trưởng

Vũ Văn Quang

Tổng Giám đốc



Vũ Tuấn Đức



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng			
			Quý II Năm 2015	Quý II Năm 2014	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	5.563.613.845	25.478.317.208	17.618.981.333	26.611.922.651
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		5.563.613.845	25.478.317.208	17.618.981.333	26.611.922.651
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	5.617.444.363	22.637.434.207	13.555.096.512	23.020.293.633
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(53.830.518)	2.840.883.001	4.063.884.821	3.591.629.018
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.180.611	4.164.823	5.048.119	7.087.626
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	265.651.450	202.683.126	383.915.221	358.475.020
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		265.651.450	202.683.126	383.915.221	358.475.020
8. Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	(210.405.591)	1.774.698.710	1.953.327.258	2.227.924.882
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(107.895.766)	867.665.988	1.731.690.461	1.012.316.742
11. Thu nhập khác	31		121.537.621		121.537.621	-
12. Chi phí khác	32		55.371.875		55.371.875	17.733.584
13. Lợi nhuận khác	40		66.165.746	-	66.165.746	(17.733.584)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(41.730.020)	867.665.988	1.797.856.207	994.583.158
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.06	3.001.208	143.458.089	407.710.178	202.463.348
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	51		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(44.731.228)	724.207.899	1.390.146.029	792.119.810
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	(40)	640	1.228	700
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.09	(11)	175	336	192

Người lập biểu



Mai Thị Nga Hương

Kế toán trưởng



Vũ Văn Quang

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2015

Tổng Giám đốc



Vũ Tuấn Đức

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Theo phương pháp trực tiếp  
Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: đồng	
		Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	20.359.248.615	24.653.005.349
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(13.095.869.039)	(17.205.246.165)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.598.357.000)	(6.905.192.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(400.120.800)	(370.660.693)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(3.360.000)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.729.475.454	475.505.253
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.479.543.373)	(1.034.694.343)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>2.511.473.857</b>	<b>(387.282.599)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.669.543.999)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.798.787	6.722.242
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(3.664.745.212)</b>	<b>6.722.242</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	14.071.532.231	9.794.614.915
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(14.378.753.636)	(7.377.787.328)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(66.490.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(373.711.405)</b>	<b>2.416.827.587</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(1.526.982.760)</b>	<b>2.036.267.230</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.934.526.684	3.539.208.699
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	249.332	365.384
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.407.793.256	5.575.841.313

Người lập biểu

Mai Thị Nga Hương

Kế toán trưởng

Vũ Văn Quang

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2015

Tổng Giám đốc



Vũ Tuấn Đức

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần VT Vạn Xuân được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103012120 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 07 năm 2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101932231.

**2. Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh**

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết : Xây dựng công trình công nghiệp, đường thủy, bến cảng, các công trình trên sông, đê, kè, đập, đường hầm, các công trình thể thao ngoài trời;
- Giám sát “ xây dựng và hoàn thiện “công trình thủy lợi;
- Giám sát lắp đặt điện công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 110kV;
- Thẩm định thiết kế các công trình thông tin, bưu chính viễn thông, điện - điện tử;
- Thẩm định hồ sơ mời thầu, dự thầu; thẩm định tổng dự toán các công trình xây dựng;
- Sản xuất, lắp ráp máy tính và thiết bị tin học; sản xuất phần mềm;
- Tư vấn, đào tạo, chuyển giao công nghệ, phát triển ứng dụng và dịch vụ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, cơ điện lạnh, tự động hoá;
- Thi công xây lắp các công trình bưu chính viễn thông, phát thanh truyền hình, điện tử, tin học và chống sét;
- Kinh doanh vật tư ngành bưu chính viễn thông;
- Lập dự án đầu tư các công trình viễn thông, mạng tin học, mạng điện tử, mạng phát thanh truyền hình, hệ thống chống sét, nội thất (chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ cho phép);
- Lập tổng dự toán các công trình thông tin liên lạc và bưu chính viễn thông, điện tử, tin học và chống sét;
- Mua bán, đại lý, ký gửi các sản phẩm công nghệ và thiết bị điện tử, tin học, viễn thông, cơ điện lạnh, tự động hoá và điều khiển;
- Khảo sát trắc địa công trình;
- Tư vấn đầu tư xây dựng và quản lý các nhà máy phát điện sử dụng năng lượng sạch có quy mô vừa và nhỏ (năng lượng gió, năng lượng địa nhiệt, năng lượng mặt trời, năng lượng sinh khối, năng lượng sóng biển, thủy điện);
- Tư vấn đầu tư và xây dựng các dự án bảo vệ môi trường, triển khai chuyển giao công nghệ xử lý môi trường, chất thải và nước sạch; vệ sinh môi trường;
- Tư vấn đầu tư các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và thủy điện (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Khoan thăm dò, khoan khai thác khoáng sản (không bao gồm khoan khảo sát), nước ngầm, xử lý nền móng;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng, phát triển các loại công nghệ mới về tự động hoá, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học;
- Khảo sát các công trình: giao thông, thủy lợi, thủy điện, xây dựng và các công trình phụ trợ khác. Đo đạc bản đồ; khảo sát thiết kế các công trình Công ty được phép thiết kế (không bao gồm khảo sát địa hình; khảo sát địa chất, khảo sát địa chất thủy văn); khảo sát địa chất công trình; khảo sát xây dựng;
- Thiết kế công trình cầu, đường bộ; thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp phục vụ ngành bưu điện; thiết kế kết cấu cột Anten công trình xây dựng; thiết kế thông tin, bưu chính viễn thông; thiết kế thông tin – liên lạc, thiết kế điện - điện tử: các công trình thông tin liên lạc và bưu chính viễn thông, công nghiệp, khu công nghệ cao; thiết

kế quy hoạch, kiến trúc công trình xây dựng; thiết kế các công trình giao thông; thiết kế cấp điện cho các công trình: dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; thiết kế đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV;

- Giám sát xây dựng - hoàn thiện công trình dân dụng và hạ tầng kỹ thuật; giám sát thi công xây dựng công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật (lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện); giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng công nghiệp, giao thông nông thôn, hạ tầng kỹ thuật (lĩnh vực chuyên môn giám sát: lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện); giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường bộ (lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông.

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

1. Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính: Nhật ký chung.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày lập BCTC.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh đối với hoạt động xây lắp và bình quân gia quyền tháng với hàng hóa. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Trong quá trình sử dụng các chi phí nâng cấp, cải tạo, sửa chữa duy tu sẽ được ghi tăng nguyên giá, hoặc ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh tùy thuộc vào hiệu quả mà các chi phí này mang lại cho TSCĐ đó theo đúng hướng dẫn về chế độ quản lý và sử dụng TSCĐ hiện hành.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Số phải khấu hao tính theo nguyên giá (hoặc bằng nguyên giá trừ đi chi phí khi thanh lý). Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06 năm

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không trích khấu hao.

Công ty tuân thủ nguyên tắc kế toán khi thực hiện kế toán TSCĐHH, TSCĐVH theo hướng dẫn tại TT 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/12/2014.

**5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa văn phòng.

Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.**

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của

ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

#### **7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính.**

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập BCTC.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ.

Khi lập BCTC số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu.

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Thặng dư vốn cổ phần là chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phản ánh cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi do Công ty phát hành.

b) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông/của Hội đồng thành viên.

#### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu hoạt động xây lắp

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở: Biên bản bàn giao hồ sơ khảo sát thiết kế (đối với hợp đồng khảo sát thiết kế); theo khối lượng nghiệm thu công việc hoàn thành, bàn giao A-B, biên bản, phiếu giá thanh toán (đối với hợp đồng xây dựng) và khách hàng chấp nhận thanh toán.

#### **11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, được tính ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ theo nguyên tắc thận trọng

**12. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**13. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty...

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**15. Các bên liên quan**

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		Đơn vị tính: đồng	
		30/6/2015	01/01/2015
1.	<b>Tiền</b>		
	Tiền mặt	1.816.588.768	2.832.872.599
	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	591.204.488	1.101.654.085
	<b>Cộng</b>	<b>2.407.793.256</b>	<b>3.934.526.684</b>
2.	<b>Phải thu khách hàng</b>	30/6/2015	01/01/2015
a)	Phải thu của khách hàng ngắn hạn	32.602.793.553	33.582.459.010
	- Điện lực Quảng Ninh	7.188.069.454	8.725.267.882
	- Điện lực Yên Bái	4.905.722.197	6.862.872.091
	- Điện lực Hòa Bình	2.191.272.299	5.456.025.935
	- Phải thu các khách hàng khác	18.317.729.603	12.538.293.102
b)	Phải thu khách hàng là các bên liên quan	1.644.996.757	-
	- Công ty CP Đầu tư xây dựng Huy Thành	1.644.996.757	-
3.	<b>Trả trước cho người bán</b>	30/6/2015	01/01/2015
a)	Trả trước cho người bán ngắn hạn	966.229.984	658.564.404
	- Công ty CP CH Hà Nội	563.700.000	563.700.000
	- Công ty CT biến thế và thiết bị điện HN	169.000.000	-
	- Công ty CP ĐTXD và TM An Lợi	-	70.000.000
	- Trả trước cho người bán khác	233.529.984	24.864.404
4.	<b>Phải thu khác</b>	30/6/2015	01/01/2015
		Giá trị	Giá trị
		Dự phòng	Dự phòng
a)	Ngắn hạn	3.758.897.019	11.881.169.391
	- Phải thu khác	290.117.018	277.743.817
	- Tạm ứng	3.140.123.635	11.172.123.635
	- Ký quỹ, ký cược	328.656.366	431.301.939
	<b>Cộng</b>	<b>3.758.897.019</b>	<b>11.881.169.391</b>
5.	<b>Hàng tồn kho</b>	30/6/2015	01/01/2015
		Giá gốc	Giá gốc
		Dự phòng	Dự phòng
	Nguyên liệu, vật liệu	-	-
	Công cụ, dụng cụ	-	-
	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.541.061.806	4.018.213.323
	Hàng hóa	2.701.174.717	2.701.174.717
		(675.293.679)	(675.293.679)
	<b>Cộng</b>	<b>10.242.236.523</b>	<b>6.719.388.040</b>
		<b>(675.293.679)</b>	<b>(675.293.679)</b>



## 6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>						
Số dư đầu kỳ	-	133.400.000	1.508.470.818	35.940.000	-	1.677.810.818
Số tăng trong kỳ	-	-	3.337.767.272	-	-	3.337.767.272
- Mua trong năm	-	-	3.337.767.272	-	-	3.337.767.272
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	133.400.000	4.846.238.090	35.940.000	-	5.015.578.090
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	-	70.066.665	839.379.912	35.940.000	-	945.386.577
Số tăng trong kỳ	-	15.833.333	280.025.960	-	-	295.859.293
- Khấu hao trong kỳ	-	15.833.333	280.025.960	-	-	295.859.293
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	85.899.998	1.119.405.872	35.940.000	-	1.241.245.870
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu kỳ	-	63.333.335	669.090.906	-	-	732.424.241
Tại ngày cuối kỳ	-	47.500.002	3.726.832.218	-	-	3.774.332.220

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 535.538.091 đồng

## 7. Chi phí trả trước dài hạn

- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ  
Cộng

	30/6/2015	01/01/2015
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	282.658.532	355.495.661
<b>Cộng</b>	<b>282.658.532</b>	<b>355.495.661</b>

## 8. Phải trả người bán

a) Phải trả người bán ngắn hạn

- Công ty XL & UD CN Quảng Ninh  
- Công ty TNHH MTV Tuyết Hà  
- Công ty TNHH Thương mại Đạt Sự  
- Công ty CP XD & TM Thái An

- Công ty CP Đầu tư xây dựng Huy Thành  
- Phải trả người bán khác

b) Phải trả người bán là các bên liên quan

- Công ty CP Đầu tư xây dựng Huy Thành

	30/6/2015	01/01/2015
a) Phải trả người bán ngắn hạn	11.079.551.496	16.446.612.014
- Công ty XL & UD CN Quảng Ninh	665.312.531	2.165.312.531
- Công ty TNHH MTV Tuyết Hà	-	1.586.695.000
- Công ty TNHH Thương mại Đạt Sự	-	2.720.740.000
- Công ty CP XD & TM Thái An	6.184.993.646	-
- Công ty CP Đầu tư xây dựng Huy Thành	254.658.902	2.324.393.846
- Phải trả người bán khác	3.974.586.417	7.649.470.637
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	254.658.902	2.324.393.846
- Công ty CP Đầu tư xây dựng Huy Thành	254.658.902	2.324.393.846

## 9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	2.834.018.286	238.407.885	550.000.000	2.522.426.171
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	841.077.008	407.710.178	3.360.000	1.245.427.186
Thuế thu nhập cá nhân	68.420.952	-	-	68.420.952
Các loại thuế khác	111.319.851	398.040.000	399.377.280	109.982.571
<b>Cộng</b>	<b>3.854.836.097</b>	<b>1.044.158.063</b>	<b>952.737.280</b>	<b>3.946.256.880</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10. Phải trả khác	30/6/2015	01/01/2015
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Bảo hiểm xã hội	464.476.781	309.563.377
Bảo hiểm y tế	12.247.517	29.503.852
Bảo hiểm thất nghiệp	4.713.600	13.055.040
Phải trả về cổ phần hóa	23.715.000	23.715.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	188.237.279	238.257.482
- Phải trả cổ tức	62.520.000	129.010.000
- Phải trả khác	125.717.279	109.247.482
<b>Cộng</b>	<b>693.390.177</b>	<b>614.094.751</b>

11. Vay và nợ thuê tài chính	30/6/2015			Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>20.062.851.231</b>	<b>20.062.851.231</b>	<b>14.071.532.231</b>	<b>14.378.753.636</b>	<b>20.370.072.636</b>	<b>20.370.072.636</b>	
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển - CN Hà Đông <sup>(1)</sup>	11.522.851.231	11.522.851.231	14.071.532.231	14.378.753.636	11.830.072.636	11.830.072.636	
- Vay cá nhân <sup>(2)</sup>	8.540.000.000	8.540.000.000	-	-	8.540.000.000	8.540.000.000	

<sup>(1)</sup> Vay Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long - CN Hà Tây (nay được sáp nhập vào ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam) theo hợp đồng hạn mức số HM.0027.14/HĐTD ngày 16/05/2014 hạn mức tín dụng là 15.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng từng lần nhận nợ. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng và quyền sở hữu hợp pháp của ông Trần Như Canh và bà Nguyễn Thị Châu Giang là toàn bộ bất động sản theo biên bản tái định giá tài sản thế chấp số tiền 7.697.560.000 đồng; tài sản thế chấp bên thứ ba là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất của ông Vũ Tuấn Đức và bà Lương Thị Thu Hằng giá trị 1.205.100.000 đồng; 01 xe ô tô Toyota Camry 2.5G định giá là 1.100.000.000 đồng; 01 xe ô tô Toyota 08 chỗ định giá là 550.000.000 đồng; tài sản thế chấp bên thứ ba là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của ông Vũ Tuấn Đức và bà Lương Thị Thu Hằng định giá là 1.542.660.000 đồng; Tài sản thế chấp bên thứ ba là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của ông Trần Văn Tân và bà Trịnh Thị Huyền định giá là 2.314.480.000 đồng; tài sản thế chấp của bên thứ ba là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất hiện tại của ông Nguyễn Bá Đồng và bà Trần Thị Hoa định giá là 2.005.000.000 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

<sup>(2)</sup> Các khoản vay cá nhân có thời hạn vay dưới 12 tháng và lãi suất vay là 0%. Không có đảm bảo bằng tài sản.

## 12. Vốn chủ sở hữu

### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	LNST chưa PP và các quỹ	Cộng
Số dư đầu năm trước	12.000.000.000	(680.000.000)	-	-	3.312.381.280	14.632.381.280
Tăng vốn năm trước	-	-	-	384.972	2.017.801.578	2.018.186.550
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	2.017.801.578	2.017.801.578
- Tăng khác	-	-	-	384.972	-	384.972
Giảm vốn năm trước	-	-	-	384.972	1.132.000.000	1.132.384.972
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	1.132.000.000	1.132.000.000
- Giảm khác	-	-	-	384.972	-	384.972
Số dư cuối năm trước	12.000.000.000	(680.000.000)	-	-	4.198.182.858	15.518.182.858
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	249.332	1.390.146.029	1.390.395.361
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	1.390.146.029	1.390.146.029
- Tăng khác	-	-	-	249.332	-	249.332
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	249.332	-	249.332
- Giảm khác	-	-	-	249.332	-	249.332
Số dư cuối kỳ	12.000.000.000	(680.000.000)	-	-	5.588.328.887	16.908.328.887

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01-2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/05/2015 công ty dự kiến chi trả cổ tức theo tỷ lệ 15% tương ứng số tiền 1.698.000.000 đồng

	30/6/2015	01/01/2015
<b>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp của nhà nước	-	-
Vốn góp của cổ đông khác	12.000.000.000	12.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>
<b>c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức</b>	Kỳ này	Kỳ trước
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	12.000.000.000	12.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	12.000.000.000	12.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	1.132.000.000
<b>d) Cổ phiếu</b>	30/6/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.200.000	1.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.200.000	1.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.200.000	1.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	68.000	68.000
- Cổ phiếu phổ thông	68.000	68.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.132.000	1.132.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.132.000	1.132.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		
<b>e) Các quỹ của doanh nghiệp</b>	30/6/2015	01/01/2015
Quỹ đầu tư phát triển	2.030.381.280	2.030.381.280
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	150.000.000	150.000.000
<b>13 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán</b>	30/6/2015	01/01/2015
a) Ngoại tệ các loại		
- USD	610,81	610,50
- EUR		
<b>VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
		Đơn vị tính: đồng
<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
a) Doanh thu hoạt động xây lắp và thiết kế	17.618.981.333	26.611.922.651
<b>Cộng</b>	<b>17.618.981.333</b>	<b>26.611.922.651</b>
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
- Công ty CP Đầu tư xây dựng Huy Thành	1.495.451.597	-
<b>Cộng</b>	<b>1.495.451.597</b>	<b>-</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
Giá vốn hợp đồng xây dựng	13.555.096.512	23.020.293.633
<b>Cộng</b>	<b>13.555.096.512</b>	<b>23.020.293.633</b>

<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.798.787	6.722.242
Lãi chênh lệch tỷ giá	249.332	365.384
<b>Cộng</b>	<b>5.048.119</b>	<b>7.087.626</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
Lãi tiền vay	383.915.221	358.475.020
<b>Cộng</b>	<b>383.915.221</b>	<b>358.475.020</b>
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	<b>1.953.327.258</b>	<b>2.227.924.882</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	1.319.637.000	1.580.357.185
- Chi phí vật liệu quản lý	68.412.584	17.067.421
- Chi phí khấu hao TSCĐ	312.469.213	109.511.589
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	163.709.355	122.901.691
- Chi phí bằng tiền khác	86.099.106	395.086.996
<b>6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
a. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	1.797.856.207	994.583.158
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế TNDN	55.371.875	17.733.584
c. Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp (a+b)	1.853.228.082	1.012.316.742
d. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	20%
e. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (c*d)	<b>407.710.178</b>	<b>202.463.348</b>
<b>7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.493.559.184	11.740.047.458
Chi phí nhân công	4.837.954.841	6.992.599.100
Chi phí khấu hao tài sản cố định	312.469.213	114.373.029
Chi phí dịch vụ mua ngoài	406.800.690	5.973.527.325
Chi phí khác bằng tiền	1.980.488.325	579.056.874
<b>Cộng</b>	<b>19.031.272.253</b>	<b>25.399.603.786</b>
<b>8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	Kỳ này	Kỳ trước
a. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.390.146.029	792.119.810
b. Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.390.146.029	792.119.810
c. Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo NQ Đại hội đồng cổ đông	-	-
d. Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.132.000	1.132.000
e. Lãi cơ bản trên cổ phiếu = $\{(b)-(c)\}/(d)$	1.228	700
<b>9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	Kỳ này	Kỳ trước
a. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.390.146.029	792.119.810
b. Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.390.146.029	792.119.810
c. Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo NQ Đại hội đồng cổ đông	-	-
d. Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.132.000	1.132.000
e. Cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	2.999.800	2.999.800
f. Lãi suy giảm trên cổ phiếu = $\{(b)-(c)\}/\{(d)+(e)\}$	336	192

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 30/7/2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có Quyết định số 53/GCN-UBCK cấp giấy chứng nhận đăng ký phát hành và chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân (nay là Công ty Cổ phần VT Vạn Xuân). Theo đó, công ty được phép phát hành và chào bán ra công chúng 2.999.800 cổ phiếu phổ thông mệnh giá 10.000 đ/cổ phiếu. Trong đó:

- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức : 169.800 cổ phiếu
- Chào bán cho cổ đông hiện hữu : 2.830.000 cổ phiếu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101932231 thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 07 năm 2015 Công ty đã đổi tên thành "Công ty Cổ phần VT Vạn Xuân".

Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### 2. Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

TT Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Huy Thành	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt	Chi phí vật tư và chi phí nhân công	1.621.171.545

### 3. Báo cáo bộ phận

Hiện tại hoạt động chính của Công ty là khảo sát tư vấn thiết kế và xây lắp trong các khu vực địa lý không có sự khác biệt về điều kiện sản xuất kinh doanh do đó không có báo cáo bộ phận được trình bày.

### 4. Thông tin so sánh

Như trình bày tại mục 01, thuyết minh III, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Khoản mục	Mã số	Số báo cáo	Số phân loại	Mã số	Số sau phân loại
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	34.518.767.231	11.603.425.574	130	46.122.192.805
Phải thu ngắn hạn khác	138	277.743.817	11.603.425.574	136	11.881.169.391
Tài sản ngắn hạn khác	150	11.603.425.574	(11.603.425.574)	150	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	11.603.425.574	(11.603.425.574)	155	-
Quỹ đầu tư phát triển	417	864.542.139	1.165.839.141	418	2.030.381.280
Quỹ dự phòng tài chính	418	1.165.839.141	(1.165.839.141)		-

Người lập biểu

Mai Thị Nga Hương

Kế toán trưởng

Vũ Văn Quang

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2015

Tổng Giám đốc



Vũ Tuấn Đức